

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 5 và 5 tháng năm 2015

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tháng 5 tăng 21,1% so với tháng 4. Những ngành có chỉ số tăng so với tháng trước: sản xuất sản phẩm điện tử (+32,7%); sản xuất kim loại (+32,2%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+14,4%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+12%); thuốc (+11,7%); giấy (+9,8%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+8,3%); hóa chất (+8,2%); sản xuất trang phục (+6,8%); dệt (+6,2%); sản xuất chế biến thực phẩm (+3,1%)... Những ngành có chỉ số giảm so với tháng trước: xử lý ô nhiễm và quản lý chất thải (-34,5%); sản xuất đồ uống (-9,7%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (-6,7%); sản xuất phương tiện vận tải khác (-6,1%); in (-1,9%)..

So với tháng 5/2014, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,5%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm ước tăng 6,0 % so với cùng kỳ năm 2014, cao hơn chỉ số của năm trước (chỉ số năm trước: tăng 5,3%). Trong đó ngành công nghiệp khai khoáng giảm 46,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,9%; sản xuất phân phối điện tăng 5,9%; **cung cấp nước và xử lý chất thải** tăng 15,9%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 5 so với tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ 2014
		Đơn vị tính: %
Tổng số	121,1	106,0
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	4.819,3	53,5
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	109,1	105,9
3. SX và phân phối điện	103,7	105,9
4. Cung cấp nước và xử lý chất thải	102,8	115,9
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	103,1	107,0
2. Sản xuất đồ uống	90,3	105,3
3. Sản xuất trang phục	106,8	106,8
4. Sản xuất da và SP liên quan	101,1	117,6
5. SX hóa chất và SP hóa chất	108,2	111,0
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	108,3	104,2
7. SP. từ khoáng phi kim loại	93,3	118,5
8. Sản xuất SP điện tử	132,7	102,8
9. Sản xuất thiết bị điện	101,0	109,2
10. Sản xuất xe có động cơ	103,3	140,3

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 20/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao như: sản xuất xe có động cơ (+40,3%); hoạt động thu gom, xử lý rác thải (+31,4%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+18,5%); sản xuất da (+17,6%); hóa chất (+11%); xử lý ô nhiễm (10,8%). Một số ngành có mức tăng khá: sản xuất thiết bị điện (+9,2%); sản xuất kim loại (+9%); khai thác, xử lý và cung cấp nước (7,4%); sản xuất chế biến thực phẩm (+7%); sản xuất thuốc (6,9%); sản xuất trang phục (6,8%); dệt (+6,7%); sản xuất và phân phối điện (+5,8%); sản xuất đồ uống (+5,3%); sản xuất giấy (+5,3%). Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: sản xuất cao su và plastic (+4,2%); sản xuất điện tử (+2,8%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (-0,3%); sản xuất phương tiện vận tải khác (-0,7%); thuốc lá (-0,8%); in (-1,8%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-14,8%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 5 tăng 11,6% so với tháng trước; so với tháng 5/2014 tăng 7,3%. Ước 5 tháng tăng 5,8% (5 tháng 2014: tăng 4,9%), thấp hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 6,1%; ngành hóa dược tăng 6,8%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 2,8%; ngành cơ khí tăng 8,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 4/2015 giảm 1,5% so với tháng trước; tăng 6,6% so tháng cùng kỳ và cộng dồn 4 tháng đầu năm tăng 6,6% so với năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ 4 tháng tăng cao so với cùng kỳ: sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; sản xuất da; sản xuất đồ uống.... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp: sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất trang phục; sản xuất giấy...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/05 tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt; trang phục; sản xuất da; sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất thiết bị điện... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1 Trồng trọt

Vụ đông xuân: lúa gieo trồng ước đạt 5.248 ha, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó huyện Củ Chi 4.222 ha, huyện Hóc Môn 868 ha,.... diện tích lúa đã thu hoạch đạt 103,2% so cùng kỳ, năng suất 47,7 tạ/ha.

Lúa vụ hè thu đã xuống giống 1.972 ha, giảm 8,4% so cùng kỳ. Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tăng không đáng kể so với cùng kỳ; trong đó, rau 7.679 ha, tăng 1,3%; cỏ làm thức ăn gia súc vẫn được duy trì 4.050 ha; hoa cây cảnh 1.360 ha, tăng 5,4% so cùng kỳ;...

1.2 Chăn nuôi

Tình hình phát triển đàn gia súc, gia cầm tương đối ổn định. Trong đó, đàn trâu ước tính 5.585 con, tăng 4,2% so cùng kỳ; đàn bò 128,1 ngàn con, tăng 2,7%, riêng đàn bò sữa ước 100,2 ngàn con, tăng 1,1%.

Theo kết quả điều tra chăn nuôi ngày 1/4/2015, đàn heo 301,6 ngàn con, tăng 2,3% so với cùng kỳ (heo thịt tăng 0,6%). Đàn gia cầm đạt 1.294,7 ngàn con, tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ; trong đó đàn gà công nghiệp 1.210 ngàn con chủ yếu nuôi tập trung tại trang trại gà Củ Chi và 2 hộ nuôi gia công của công ty CP.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 5 ước đạt 2.592 tấn, giảm 10,7% so tháng cùng kỳ. Trong đó, nuôi trồng 1.668 tấn, giảm 9,2%; khai thác 924 tấn, chỉ bằng 86,8% so với cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản 5 tháng ước đạt 21.717 tấn, tăng 7% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 14.190 tấn, tăng 14,8% do nghề tăng mạnh (gấp đôi cùng kỳ); sản lượng tôm nuôi đạt 5.199 tấn tăng 3,2%. Sản lượng khai thác 7.527 tấn, giảm 5%.

Dịch bệnh trên tôm tại huyện Cần Giờ: do tình hình thời tiết nắng nóng cao và kéo dài, từ đầu năm đến nay, đã có 151 hộ nuôi có tôm bệnh tương đương cùng kỳ, trên diện tích 124,5 ha, thiệt hại 68,06 triệu con giống. Có 97 hộ với 68,1 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/5, đã có 380 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 64,2 triệu con trên diện tích 2.951 ha. Tôm thẻ chân trắng có 813 lượt hộ thả nuôi với 280,3 triệu con giống trên diện tích 595 ha.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 38.626 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 2014 tăng 2,3%).

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố là 5.870,1 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 3.714 tỷ đồng, chiếm 63,3%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.156,1 tỷ đồng, chiếm 36,7%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng /2015 (tỷ đồng)	So với cùng kỳ/2014 (%)
Tổng vốn đầu tư	5.870,1	108,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	317,3	78,2
Cấp thành phố	3.714,0	122,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	149,8	47,8
Cấp quận huyện	2.156,1	90,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	167,5	180,5

Vốn thực hiện 5 tháng so với cùng kỳ tiếp tục tăng khá (8,2%), tập trung các dự án ở một số sở ngành có vốn lớn như: Ban quản lý nâng cấp đô thị, ban quản lý đường sắt TP.HCM, khu quản lý giao thông đô thị số 1... và một số quận, huyện có nhiều dự án như: Huyện Bình Chánh, Huyện Củ Chi...

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài (Phạm Văn Đồng): Hiện còn vương giải tỏa đoạn đầu tuyến từ đường Trường Sơn đến Nguyễn Thái Sơn.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công các trụ móng đoạn từ quận 2 đến quận 9 tiếp giáp với tỉnh Bình Dương và cầu qua sông Sài Gòn.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 4, toàn thành phố đã cấp 16.176 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 3.366,1 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 15.959 giấy phép, với diện tích 3.343,2 ngàn m² và 217 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 22,9 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 11,7% về giấy phép (+1.694) và tăng 27,6% về diện tích (+728,6 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/5, đã có 199 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với vốn đăng ký đạt 668,8 triệu USD (vốn điều lệ 238,1 triệu USD).

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 151 dự án, vốn đầu tư đạt 470,5 triệu USD; liên doanh 48 dự án, vốn đầu tư 198,3 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: công nghiệp 23 dự án, vốn đầu tư 384,1 triệu USD, chiếm 57,4% tổng vốn đăng ký cấp mới; thương nghiệp 54 dự án, vốn đầu tư 73,7 triệu USD (chiếm 11%); hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ 44 dự án, vốn đầu tư 41,4 triệu USD (chiếm 6,2%); hoạt động kinh doanh bất động sản 2 dự án, vốn đầu tư 118,3 triệu USD (chiếm 17,7%); xây dựng 12 dự án, vốn đầu tư 9,8 triệu USD (chiếm 1,5%); y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 5 dự án, vốn đầu tư 4,9 triệu USD;...

Chia theo đối tác đầu tư: đã có 34 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn, trong đó British Virgin Island 6 dự án, vốn đầu tư đạt 306,5 triệu USD, chiếm 45,8% tổng vốn cấp mới; Singapore 40 dự án, vốn đầu tư 103,7 triệu USD (chiếm 15,5%); Hàn Quốc 41 dự án, vốn đầu tư 79,8 triệu USD (chiếm 11,9%); Nhật Bản 36 dự án, vốn đầu tư 23,1 triệu USD (chiếm 3,5%); Ấn Độ 4 dự án, vốn đầu tư 48,3 triệu USD (chiếm 7,2%); Brazil 1 dự án, vốn đầu tư 57,4 triệu USD (chiếm 8,6%);...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 65 dự án, số vốn tăng 386,1 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đến ngày 15/5 đạt 1.055 triệu USD (cùng kỳ năm trước đạt 793 triệu USD).** Giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đi tỉnh thành khác 11 dự án, vốn đầu tư 56,1 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/5 đã có 11.083 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 19,6% so cùng kỳ; trong đó có 346 doanh nghiệp tư nhân; 1.103 công ty cổ phần; 9.634 công ty TNHH. Trong đó khu vực nông lâm thủy sản 46 doanh nghiệp, giảm

30,3% so cùng kỳ; khu vực công nghiệp xây dựng 2.662 doanh nghiệp, tăng 20,5% ; và khu vực thương mại dịch vụ 8.375 doanh nghiệp (chiếm 75,6%) tăng 19,8%.

Tổng vốn đăng ký đạt 72.459 tỷ đồng tăng 41,8% so cùng kỳ, trong đó khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 43,4% tăng 2,35 lần so cùng kỳ, chủ yếu tăng mạnh ở ngành xây dựng (3,1 lần); khu vực thương mại dịch vụ chiếm 56%, tăng 12,8% so cùng kỳ.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong 4 tháng đầu năm có 4.472 doanh nghiệp ngừng nghỉ hoạt động, bằng 38,5% so số doanh nghiệp tăng trong kỳ (chỉ số này của cùng kỳ là 75,6%), giảm 45,2% so 4 tháng đầu năm 2014 (chỉ số này của năm 2014 là +2,1%). Trong đó có 53 doanh nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, 3.515 công ty TNHH, 583 công ty cổ phần và 314 doanh nghiệp tư nhân.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 ước đạt 54.315 tỷ đồng (không tính bán lẻ của các đơn vị sản xuất), giảm 0,4% so tháng trước.

Ước tính 5 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 267.070 tỷ đồng, tăng 10,8% so cùng kỳ, loại trừ yếu tố giá tăng 10,1%. Trong đó bán lẻ hàng hóa đạt 210.841 tỷ đồng, chiếm 78,9% trong tổng mức, tăng 11,7%, loại trừ yếu tố giá, tăng 14,2%.

Chia theo thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước 36.309 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,6%, tăng 5,9%; Kinh tế ngoài nhà nước 214.045 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 80,1%, tăng 12,1%; Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 16.716 tỷ đồng, chiếm 6,3%, tăng 5,5% so cùng kỳ.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 5 đạt 43.207 tỷ đồng, giảm 0,9% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước đạt 210.841 tỷ đồng, tăng 11,7%.

Trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm 19%, tăng 12,5%; May mặc chiếm 7,2%, tăng 10,8%; Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 19,3%, tăng 9,6%; Xăng dầu chiếm 9%, tăng 1,7%; Phương tiện đi lại chiếm 6,5%, tăng 1,1%...

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 5 đạt 6.092 tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước tính đạt 31.790 tỷ đồng, tăng 7,7% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 1,1%; Dịch vụ ăn uống tăng 8,3%.

c. Du lịch: tháng 5 ước đạt 1.494 tỷ đồng, tăng 3,4% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước đạt 6.620 tỷ đồng, giảm 5,4% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 5 ước đạt 3.523 tỷ đồng, giảm 1,2% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước đạt 17.819 tỷ đồng, tăng 13,3% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Giá tiêu dùng tháng 5 tiếp tục tăng nhẹ với mức 0,3% so với tháng trước, trong đó có 4/11 nhóm hàng giảm là: ăn và dịch vụ ăn (-0,06%); bưu chính viễn thông (-0,02%); hàng hóa và dịch vụ khác (-0,04%); 5 nhóm tăng giá là: nhóm may mặc mũ nón giày dép (+0,10%); thiết bị đồ dùng gia đình (+0,02%); giao thông (+1,05%); nhóm văn hóa giải trí du lịch (+0,07%); 3 nhóm còn lại: đồ uống và thuốc lá; thuốc và dịch vụ y tế và giáo dục không biến động.

Một số tình hình cụ thể về biến động giá của các mặt hàng trong tháng như sau:

+ Giá lương thực sau nhiều tháng liên tục giảm nay có mức tăng nhẹ so tháng trước 0,06%, do tác động từ chương trình thu mua gạo tạm trữ theo chỉ tiêu của Hiệp hội Lương thực Việt Nam. Tuy nhiên so đầu năm giá lương thực vẫn giảm với mức 0,72%. Xu hướng giá lương thực vẫn giảm khi cung tăng cao, cầu xuất khẩu không tăng tương ứng.

+ Giá thực phẩm tiếp tục giảm với mức 0,13% sau khi đã giảm ở tháng trước với mức 0,13%, so với đầu năm giá thực phẩm tăng 0,33%. Một số mặt hàng giảm trong tháng gồm: Thịt bò (-1,37%); thịt chế biến (-0,11%); dầu mỡ ăn chất béo (-0,80%); thủy sản tươi sống (-0,52%); thủy sản chế biến (-0,33%); rau cải các loại (-1,44%); một số mặt hàng tăng giá: thịt heo (+0,18%); thịt gia cầm tươi sống (+0,83%); trứng các loại (+0,20%); trái cây các loại (+0,41%); đồ gia vị (+0,13%); sữa, bơ, phomat (+0,19%)

+ Ăn uống ngoài gia đình không biến động so tháng trước tăng và tăng 0,66% so đầu năm.

+ Nhà ở điện nước chất đốt tăng 2,18% chủ yếu do giá điện tăng từ 2 nguyên nhân: ngành điện áp dụng biểu giá mới và thời tiết nắng nóng làm mức tiêu thụ điện tăng cao, ngoài ra giá một số mặt hàng vật liệu xây dựng như xi măng, cát, gạch lát nền tăng nhẹ từ 0,5-3%.

+ Giao thông: tăng 1,05% so tháng trước, trong đó giá xăng được điều chỉnh ngày 5/5 tăng 1.950 đồng/lít, làm cho mặt hàng này có mức tăng 2,45%. Giá cước tàu hỏa tăng nhân dịp lễ với mức 4,25%.

+ Nhóm văn hóa giải trí và du lịch: tăng nhẹ 0,07% chủ yếu do du lịch trọn gói trong nước tăng 0,3%.

So với tháng 5/2014, chỉ số giá hàng hóa tiêu dùng tăng 0,74%; trong đó có 4/11 nhóm hàng giảm là nhà ở điện nước chất đốt (-2,67%), giao thông (-14,83%), bưu chính viễn thông (-0,04%) và văn hóa giải trí (-0,62%), trong đó giao thông giảm mạnh do ảnh hưởng giá xăng; giáo dục và y tế là 2 nhóm có mức tăng cao nhất.

So với tháng 12/2014, chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng giảm 0,39%.

Chỉ số giá bình quân 5 tháng đầu năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân cùng kỳ năm 2014.

Chỉ số giá vàng tháng 5 giảm 0,6% so tháng 4, giảm 1,39% so tháng 5/2014 và giảm 0,62% so tháng 12/2014. Chỉ số giá USD tháng 5 tăng 0,06% so tháng 4; tăng 2,74% so tháng 5/2014 và tăng 1,25% so tháng 12/2014.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 5 đạt 2.571,6 triệu USD, tăng 7,6% so tháng trước.

Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 11.760,4 triệu USD, giảm 8,1% so cùng kỳ.

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 10.219 triệu USD, tăng 5,5%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 5 đạt 1.994,2 triệu USD, giảm 10,6% so tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước 1.053,1 triệu USD, giảm 14,6%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 941,2 triệu USD, giảm 5,7%.

Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 10.350,7 triệu USD, giảm 11,4% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước đạt 8.809,3 triệu USD, tăng 2,9%. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 2.052,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,8%, giảm 46% (giảm 1.750,9 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.685,3 triệu USD, chiếm 45,3%, tăng 8,8% (tăng 378 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 3.612,8 triệu USD, chiếm 34,9%, tăng 1,3% (tăng 46,7 triệu USD).

Chia theo nhóm hàng (không kể dầu thô):

- Nhóm hàng nông sản đạt 1.475,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 16,8%, giảm 15,2% so cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gạo giảm 28,1% (lượng giảm 75,2%, giá tăng 190,2%); Cà phê giảm 30% (lượng giảm 28,5%, giá bình quân tăng 2,1%)

- Nhóm hàng thủy sản 243,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,8%, giảm 18,7%.

- Nhóm hàng công nghiệp 6.193,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 70,3%, tăng 9,6%. Trong đó hàng may mặc chiếm 21,8% trong tổng kim ngạch không kể dầu, tăng 2%, giày dép chiếm 11%, tăng 6,3%, máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 17,5%, tăng 51,7%.

- Nhóm hàng lâm sản 183,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,1%, giảm 13,1%.

- Nhóm hàng hóa khác 713 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,1%, tăng 7,6%.

+ Riêng mặt hàng dầu thô: ước đạt 3.578 ngàn tấn, giảm 1,1%, về trị giá ước đạt 1.541,4 triệu USD, giảm 50,5%, do giá bình quân giảm 49,9% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 05 đạt 2.665,3 triệu USD, tăng 4,1% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 12.484,6 triệu USD, tăng 8,1%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 05 ước đạt 2.297,4 triệu USD, tăng 4,1%. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 1.413,2 triệu USD, tăng 2,9%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 884,3 triệu USD, tăng 6,1%.

Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 10.740,6 triệu USD, tăng 5,9% (+599,8 triệu USD). Chia ra:

- + Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 609,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,7%, giảm 30,3%;
- + Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.187,3 triệu USD, chiếm 39%, tăng 15,8%;
- + Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 5.944 triệu USD, chiếm 55,3%, tăng 5,2%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 5 tháng đầu năm 2015:

- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 224,9 triệu USD, giảm 0,8%.
- + Nhiên liệu: về lượng ước nhập 349,1 ngàn tấn, tăng 8,9%, và kim ngạch đạt 241,8 triệu USD, giảm 20,5% là do giá bình quân giảm 27%.
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 331,6 triệu USD, tăng 0,7%.
- + Vải các loại nhập 926,1 triệu USD, tăng 0,6%
- + Sắt thép đạt 520,1 triệu USD, giảm 4,8%.
- + Tân dược đạt 443,3 triệu USD, tăng 5,1%.
- + Dầu mỡ động thực vật đạt 112,9 triệu USD, giảm 22,5%.
- + Chất dẻo đạt 567,7 triệu USD, tăng 12,3%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 5 ước đạt 5.641,2 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 28.960,2 tỷ đồng, tăng 21,6% so cùng kỳ 2014.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 5 tháng đầu năm 2015

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2014	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	19.579,9	9.380,3	120,3	124,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.476,8	612,1	95,6	109,5
Kinh tế ngoài nhà nước	16.990,9	7.287,6	125,0	125,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	112,2	1.480,6	120,9	126,8
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	11.031,7	7.889,6	123,4	123,7
Đường sông	1.958,7	175,8	126,3	126,1
Đường biển	6.545,4	-	113,8	-
Đường hàng không	44,1	1.314,9	152,6	129,2

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 5 ước đạt 3.905,2 tỷ đồng, tăng 1,4% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 19.579,9 tỷ đồng, tăng 20,3% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 86,8%, tăng 25%; kinh tế nhà nước chiếm 12,6%, giảm 4,4%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 56,3%, tăng 23,4%, đường biển chiếm tỷ trọng 33,4%, tăng 13,8%.

* **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 5 ước đạt 1.736 tỷ đồng, tăng 1,2% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 9.380,3 tỷ đồng, tăng 24,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 77,7%, tăng 25,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 15,8%, tăng 26,8%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 7.889,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,1%, tăng 23,7%; Đường hàng không chiếm 14%, tăng 29,2%.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 5 tháng ước thực hiện 114.981 tỷ đồng, đạt 42,9% dự toán, tăng 4,9% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 66.133 tỷ đồng, đạt 46% dự toán, tăng 8,8% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 10.087 tỷ đồng, đạt 31,5% dự toán, giảm 23,4% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 37.500 tỷ đồng, đạt 41,7% dự toán, tăng 8,3%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
Tổng thu	267.926	114.981	42,9	104,9
Tổng thu cân đối ngân sách NN	265.776	113.720	42,8	104,7
I- Thu nội địa	143.776	66.133	46,0	108,8
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	28.200	12.521	44,4	95,1
2. Khu vực ngoài nhà nước	33.600	15.836	47,1	112,9
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	42.023	17.956	42,7	111,4
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	90.000	37.500	41,7	108,3
III- Thu từ dầu thô	32.000	10.087	31,5	76,6

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 18,9% tổng thu nội địa, giảm 4,9% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 7.945 tỷ đồng, đạt 44,3% dự toán, giảm 0,8%; Nhà nước địa phương 4.576 tỷ đồng, đạt 44,6% dự toán, giảm 11,3%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 15.836 tỷ đồng, chiếm 23,9%, tăng 12,9% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 17.956 tỷ đồng, chiếm 27,2%, tăng 11,4%. Thu khác 19.820 tỷ đồng, tăng 13,3%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 9.356 tỷ đồng, tăng 7,6%, Thu tiền sử dụng đất 5.037 tỷ đồng, tăng 53,1% so cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 5 tháng ước đạt 25.305 tỷ đồng, đạt 47,1% dự toán, tăng 16,2% so cùng kỳ năm 2014.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng ước thực hiện 15.370 tỷ đồng, đạt 28,1% dự toán, tăng 4,4% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
Tổng chi (trừ tạm ứng)	54.616	15.370	28,1	104,4
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	21.376	6.020	28,2	106,3
Trong đó: trả lãi và vốn vay	4.416	15	0,3	1,5
II- Chi thường xuyên	31.500	9.289	29,5	104,4
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.210	588	14,0	104,8
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.759	2.942	33,6	102,9
Sự nghiệp y tế	3.127	988	31,6	108,0
Quản lý hành chính	4.942	1.798	36,4	108,6

Chi đầu tư phát triển 6.020 tỷ đồng, đạt 28,2% dự toán, tăng 6,3% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 9.289 tỷ đồng, tăng 4,4% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 588 tỷ đồng, tăng 4,8%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.942 tỷ đồng, tăng 2,9%; chi sự nghiệp y tế 988 tỷ đồng, tăng 8%; chi quản lý hành chính 1.798 tỷ đồng, tăng 8,6%; chi đảm bảo xã hội tăng 23,6%, chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 38,2% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 1.344,3 ngàn tỷ đồng, giảm 1% so tháng trước (chỉ số này tháng trước: +1,2%) và tăng 14,6% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56% tổng vốn huy động, tăng 13,2% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 14,4%, tăng 12,7% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 85,6% tổng vốn huy động, tăng 15% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 56,8% tổng vốn huy động, tăng 13,4% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 1.106 ngàn tỷ đồng, tăng 0,4% so tháng trước, thấp hơn mức tăng của tháng trước (tháng 4: +1,9%); so với tháng 12/2014 tăng 3,6% và tăng 15,2% so với tháng cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 623,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 56,4% tổng dư nợ, tăng 17,5% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 167,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 15,1% tổng dư nợ, tăng 2% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 938,9 ngàn tỷ đồng chiếm 84,9% tổng dư nợ, tăng 17,9% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 53,9%, tăng 35,1% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 46,1%, giảm 1,8% so tháng cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 04/2015, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 306 gồm 305 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, giảm 2 mã cổ phiếu so với cuối tháng 03/2015 (ngày 23/04/2015 hủy niêm yết mã cổ phiếu HSI của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, ngày 24/04/2015 hủy niêm yết mã cổ phiếu VNI của

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Việt Nam). Giá trị vốn hóa thị trường là 1.040.789,39 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cuối năm 2014. Trong tháng 04/2015 có 19 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. Trong tháng 04, VN-Index có xu hướng tăng nhẹ dù phiên ngày 01/04 là phiên có điểm thấp nhất kể từ đầu năm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 562,40 điểm, tăng 16,77 điểm (tương ứng tăng 3,1%) so với cuối năm 2014 và tăng 11,27 điểm (tương ứng tăng 2,0%) so với cuối tháng trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 04/2015 đạt 1.657,92 triệu chứng khoán, giảm 25,4% so với tháng 03/2015. Giá trị giao dịch của tháng đạt 29.749,31 tỷ đồng, giảm 25,5% so tháng 03/2015. Trung bình mỗi phiên có 87,26 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 1.565,75 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 13,6% và giá trị giao dịch giảm 13,8% so với tháng 03/2015.

Từ đầu năm đến cuối tháng 04/2015, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 01/04 với 538,91 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 04/03 với 600,39 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 04/2015	4 tháng năm 2015	Tháng 04 so tháng 03	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	1.657,92	7.245,19	74,6	73,6
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	1.651,46	7.231,99	74,5	73,5
Trái phiếu	5,85	10,23	133,6	86,0
Chứng chỉ quỹ & ETF	0,61	2,97	85,9	237,6
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.480,52	6.536,50	72,5	70,0
Giao dịch thỏa thuận	177,40	708,69	97,7	139,7
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	29.749,31	126.985,55	74,5	73,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	29.081,36	125.865,59	73,6	73,6
Trái phiếu	662,50	1.092,17	156,0	105,4
Chứng chỉ quỹ & ETF	5,45	27,79	80,7	236,1
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	24.042,59	107.448,54	70,2	70,4
Giao dịch thỏa thuận	5.706,72	19.537,01	100,2	100,6

Cập nhật đến ngày 15/05/2015, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 chứng khoán. Giá trị vốn hóa thị trường là 995.198,47 tỷ đồng, tăng 1,0% so với cuối năm 2014. VN-Index tại ngày 15/05/2015 đạt 537,44 điểm, giảm 8,19 điểm so với cuối năm 2014 (tương ứng giảm 1,5%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (Từ 16/03/2015 đến 15/04/2015)

* **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 135 vụ. Trong đó: buôn bán vận chuyển hàng hóa không có hóa đơn chứng từ (13 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép,

trôn thuế (23 vụ); mua bán hàng cấm (76 vụ); kinh doanh hàng ngoại nhập lậu (09 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (09 vụ); lừa đảo chiếm đoạt tài sản (03 vụ); cố ý làm trái, gây hậu quả nghiêm trọng (02 vụ). Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 3,3 tỷ đồng.

Phát hiện và lập biên bản xử lý 54 vụ vi phạm các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải... Ra quyết định xử lý vi phạm hành chính 44 vụ (cộng các vụ tồn tháng trước), với số tiền 4,7 tỷ đồng.

*** Vi phạm hình sự:** Trong tháng đã xảy ra 447 vụ, giảm 23,7% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 11 người, bị thương 57 người, thiệt hại tài sản giá trị khoảng 10,5 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 10 vụ (+5 vụ), cướp tài sản 18 vụ (-9 vụ), cướp giật tài sản 91 vụ (không tăng không giảm), cố ý gây thương tích 40 vụ (-22 vụ), trộm cắp tài sản 240 vụ (-85 vụ), chống người thi hành công vụ 06 vụ (+4 vụ), hiếp dâm – giao cấu trẻ em 06 vụ (-2 vụ), ... Số vụ đã được điều tra khám phá nhanh 280 vụ (đạt tỷ lệ 62,6%), bắt 311 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Đã khám phá 139 vụ mua bán - tàng trữ, vận chuyển và tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy, bắt 268 tên. Đã khởi tố 113 vụ với 157 người vi phạm, xử lý hành chính 26 vụ với 111 người vi phạm. Qua đợt triển khai cao điểm lập hồ sơ xử lý người nghiện ma túy không nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố, đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc từ ngày 05/12/2014 đến ngày 15/4/2015. Kết quả toàn thành đã tổ chức kiểm tra 9.061 người, có 5.375 đối tượng dương tính với ma túy; 3.104 đối tượng đã có quyết định của UBND phường, xã, thị trấn đưa vào cơ sở xã hội. Tòa án đã ban hành 1.942 quyết định áp dụng biện pháp đưa người nghiện vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 02 vụ với 09 đối tượng có hành vi tổ chức môi giới mại dâm và mua bán dâm đã lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn, nhà hàng, karaoke... để hoạt động. Kiểm tra, lập biên bản 85 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Lập hồ sơ xử lý 25 vụ tổ chức cờ bạc với 157 người tham gia, thu giữ trên 160 triệu đồng và nhiều tài sản khác.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Đã lập biên bản và xử phạt 23,3 ngàn trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, tạm giữ hơn 3,6 ngàn xe các loại, tước giấy phép lái xe 2,8 ngàn trường hợp, thu nộp ngân sách trên 11 tỷ đồng.

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 268 vụ, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 56 người, bị thương 222 người.

- **Tình hình cháy, nổ:** Đã xảy ra 69 vụ cháy, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước, tăng 40,8% so với tháng trước, làm chết 01 người, bị thương 02 người, thiệt hại

tài sản trị giá ước khoảng 65 triệu đồng. (trong đó có 20 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu do sự cố về điện.

Trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

2. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 5, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 23,2 ngàn người, tăng 0,8% so với tháng trước. Trong đó, số lao động có việc làm ổn định là 18,2 ngàn người, chiếm 78,4% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 10,5 ngàn chỗ.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2015, đã có 122,8 ngàn lao động được giải quyết việc làm, đạt 46,4% so với kế hoạch. Trong đó, số chỗ việc làm mới tạo ra là 51,4 ngàn chỗ làm, đạt 42,8% kế hoạch.

3. Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 06/4 đến ngày 08/5, trên địa bàn thành phố đã có 9,6 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký và nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp. Đã có 7,6 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Có 26,4 ngàn người tiếp nhận thông báo việc làm.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 và 5 tháng năm 2015.

CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733